

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST.

Ngày 27/6/2022.

V/v “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Quốc.

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Dương Minh Ngọc.

+ Bà Phan Thị Thanh Dung.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Thức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2021/KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Công ty TNHH H

Địa chỉ: Số 06 Ngô Gia Tự, Ngọc Hà, Nam Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Do bà Trần Thị Thanh H - Chức vụ: giám đốc là đại diện theo pháp luật.

Ủy quyền cho Công ty Luật TNHH Trần Bros; địa chỉ: P502, chung cư cảnh sát 113, ngõ 299 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Việt Hà (theo Quyết định số 11/QĐ-TRANBROS ngày 20/9/2021 của giám đốc Công ty luật TNHH MTV Trần bros).

**\* Bị đơn:** Công ty Cổ phần sản xuất S.

Địa chỉ: Khu kinh tế mở Chu Lai – xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Do ông Nguyễn Thái D - Chức vụ: Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Việt Hà trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 10/08/2015, Công ty TNHH H - đại diện bởi ông Trần Quốc Thư và Công ty cổ phần sản xuất S - đại diện bởi ông Nguyễn Thái D cùng ký kết Hợp đồng số 45/2015/HĐ/SCL-HN về việc vận chuyển đá vôi.

Về quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH H đã nhiều lần thực hiện dịch vụ vận chuyển đá vôi cho Công ty CP S. Sau mỗi lần vận chuyển, Công ty TNHH Hải Nam đều xuất hóa đơn, biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị hàng hóa kèm theo để yêu cầu Công ty CP S thanh toán. Giai đoạn từ khi hai Công ty ký Hợp đồng đến ngày 12/10/2015, Công ty TNHH H và Công ty CP S đã nghiêm túc và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của từng bên theo Hợp đồng.

Từ ngày 18/10/2015 - 03/06/2016 Công ty TNHH H thực hiện nghĩa vụ vận chuyển theo Hợp đồng và xuất đủ hóa đơn cho Công ty CP S, tổng giá trị hóa đơn là 5.694.845.100 đồng, tuy nhiên Công ty CP S mới thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền: 3.100.000.000 đồng, còn nợ lại 2.594.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Thông tin hóa đơn Công ty TNHH H đã xuất

STT	Ngày xuất hóa đơn	Số hóa đơn	Giá trị (Đơn vị: đồng)
1	18/10/2015	0000539	815.165.000
2	24/10/2015	0000548	434.576.100
3	28/10/2015	0000553	815.585.000
4	5/11/2015	0000573	814.295.000
5	11/11/2015	0000580	785.170.000
6	17/11/2015	0000586	798.495.000
7	30/11/2015	0000595	437.274.000
8	18/12/2015	0000624	794.285.000
TỔNG CỘNG			5.694.845.100

Bảng 2: Thông tin Công ty CP S đã thanh toán.

STT	Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán
1	17/11/2015	732.018.170
2	17/11/2015	83.146.830
3	1/12/2015	1.961.981.830
4	1/12/2015	222.853.170
5	3/06/2016	100.000.000
TỔNG CỘNG		3.100.000.00

Như vậy, tính từ ngày 04/06/2016 Công ty CP S còn nợ Công ty TNHH H tổng cộng là: 2.594.000.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi tư triệu đồng). Công ty TNHH H đã nhiều lần gọi điện nhắc nợ, gửi văn bản đề nghị thanh toán nhưng Công ty CP S không phối hợp để thực hiện trả nợ. Căn cứ quy định tại Hợp Đồng Vận Chuyển Đá Vôi số 45/2015/HĐ-SCL-HN ngày 10/08/2015 được ký giữa hai

Công ty, Công ty TNHH H xác định Công ty CP S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng.

Vì vậy, Công ty TNHH H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành – tỉnh Quảng Nam giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau:

Yêu cầu Công ty CP sản xuất S thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền là 4.008.831.562 đồng; trong đó nợ gốc là 2.594.000.000 đồng, nợ lãi là 1.414.831.562 đồng tính đến ngày xét xử.

\* Bị đơn: Công ty CP sản xuất S do ông Nguyễn Thái D - Chức vụ: tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với đại diện của Công ty TNHH H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Công ty CP sản xuất S đã không chấp hành đúng pháp luật khi vắng mặt xét xử vụ án trong cả 02 lần mở phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 530, Điều 533, Điều 536 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74, Điều 85, Điều 87 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của các cơ quan như: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam; UBND xã Tam Hiệp; Tòa án nhân dân huyện Núi Thành có cơ sở xác định: Bị đơn Công ty CP sản xuất S có mã số doanh nghiệp 4000689... đăng ký lần đầu ngày 20/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/12/2020 có địa chỉ trụ sở tại khu kinh tế mở Chu Lai tại địa bàn xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, chưa đăng ký giải thể. Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn và người đại diện pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền do bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Quan hệ tranh chấp này phát sinh từ việc ký kết hợp đồng dịch vụ giữa hai bên là tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, do đó đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Về thẩm quyền, tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp

đồng hai bên đã ký kết, Công ty TNHH H và Công ty CP sản xuất S đã thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án thành phố Ninh Bình để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên công ty TNHH H cho rằng trong trường hợp khởi kiện tranh chấp tại Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình – nơi có trụ sở của nguyên đơn và theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng, vụ án có nguy cơ bị kéo dài do khó khăn trong quá trình triệu tập bị đơn và thực hiện các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ kiện, nên ngày 17/7/2021, công ty TNHH H đã gửi văn bản thông báo về việc lựa chọn tòa án giải quyết tranh chấp tới Công ty CP sản xuất S tại Tòa án nhân dân huyện Núi Thành. Tuy nhiên khi hết thời hạn theo thông báo số 12/2021/CV ngày 04/9/2021, Công ty TNHH H không nhận được bất cứ thông tin phản hồi nào từ Công ty CP sản xuất Sô Đa Chu Lai. Do vậy, căn cứ quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc công ty TNHH H tiến hành khởi kiện Công ty CP sản xuất S ra Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam để yêu cầu giải quyết tranh chấp là đúng pháp luật.

### [3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ ý kiến trình bày của phía nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử và tài liệu chứng cứ đã giao nộp, thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 45/2015/HĐ/SCL-HN về việc vận chuyển đá vôi. Xét Hợp đồng được xác lập giữa hai bên có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85, Điều 86 và Điều 110 Luật Thương mại nên được công nhận.

Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH H đã nhiều lần thực hiện dịch vụ vận chuyển đá vôi cho Công ty CP sản xuất S. Sau mỗi lần vận chuyển, Công ty TNHH H đều xuất hóa đơn, biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị hàng hóa kèm theo để yêu cầu Công ty CP sản xuất S thanh toán. Giai đoạn từ khi hai Công ty ký Hợp đồng đến ngày 12/10/2015, Công ty TNHH H và Công ty CP sản xuất S đã nghiêm túc và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của từng bên theo Hợp đồng.

Từ ngày 18/10/2015 đến ngày 03/06/2016 Công ty TNHH H đã thực hiện nghĩa vụ vận chuyển theo Hợp đồng và xuất đủ hóa đơn cho Công ty CP sản xuất S, tổng giá trị hóa đơn là 5.694.845.100 đồng, tuy nhiên Công ty CP sản xuất Sô Đa Chu Lai mới thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền: 3.100.000.000 đồng, còn nợ lại 2.594.000.000 đồng. Toàn bộ hồ sơ mà công ty TNHH H cung cấp phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và các chứng từ kèm theo đã thể hiện việc công ty CP sản xuất S còn nợ công ty TNHH H số tiền nói trên là đúng, mặc dù công ty TNHH H đã nhiều lần có văn bản nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán khoản nợ trên.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán lãi chậm trả trên số tiền gốc 2.594.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm tính từ thời gian chưa thanh toán đến khi Công ty CP sản xuất S thanh toán hết tiền nợ cho Công ty TNHH H. HĐXX xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng dịch vụ số 45/2015/HĐ/SCL-HN về việc vận chuyển đá vôi đã ký kết. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày vi phạm hợp đồng là phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP. Trong trường hợp áp dụng đúng quy định pháp luật, lãi suất chậm trả mà Công ty CP sản xuất S phải chịu sẽ cao hơn lãi suất cơ bản 9%/năm<sub>4</sub> do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban

hành theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN. Do đó, việc Công ty TNHH H chỉ yêu cầu Công ty CP sản xuất S thanh toán lãi chậm trả trên số tiền gốc 2.594.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm tính từ thời gian chưa thanh toán đến khi Công ty CP sản xuất S thanh toán hết tiền nợ cho Công ty TNHH H là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Quá trình chuẩn bị xét xử, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng pháp lý của bị đơn và địa chỉ nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn, người đại diện pháp luật của bị đơn tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng họ vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 4.008.831.562 đồng; trong đó nợ gốc là 2.594.000.000 đồng, nợ lãi là 1.414.831.562 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 530, Điều 533, Điều 536 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 74, Điều 85, Điều 87 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí lệ phí, án phí Tòa án năm 2009;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần sản xuất S phải thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền là 4.008.831.562 đồng (*Bốn tỷ không trăm lẻ tám triệu tám trăm ba mươi một ngàn năm trăm sáu hai đồng*); trong đó nợ gốc là 2.594.000.000 đồng, nợ lãi là 1.414.831.562 đồng tính đến ngày 27/6/2022.

Kể từ khi Công ty TNHH H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần sản xuất S chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả là 9%/năm (*tức 0.75%/tháng*) tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty Cổ phần sản xuất S phải chịu án phí số tiền là 112.000.000 đ (*một trăm*

*mười hai triệu đồng).*

Hoàn lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.897.000 đ (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm chín bảy ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0010845 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKS huyện Núi Thành;
- THA dân sự h. Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Quốc**

